

## PHỦ ĐỊNH NGÔN NGỮ, PHỦ ĐỊNH LOGIC VÀ CÂU BÁC BỎ

NGUYỄN ĐỨC DÂN<sup>1</sup>

NGUYỄN THÙY NƯƠNG<sup>2</sup>

**Abstract:** In this article, the authors distinguish between linguistic negation, logical negation and rebuttal sentence, a type of meta-linguistic negation that is typical in Vietnamese. Rebuttal sentence is an indirect linguistic act of interrogation. People question-refute everything that the speaker considers false, from the obvious to the implied, from the whole to every detail. Therefore, the types of rebuttal sentences in Vietnamese are very rich. Various types of rebuttals have been investigated. Vietnamese people often use questioning to refute.

**Key words:** linguistic negation, logical negation, rebuttal sentence, questioning to refute.

### 1. Câu phủ định và câu bác bỏ

1.1. Năm 1905, B. Russell [16] tìm cách miêu tả hai câu:

(1) *The (present) King of France is bald.*

(2) *The (present) King of France is not bald.*

Hai câu trên phủ định lẫn nhau. Do vậy hẳn có một câu đúng và một câu sai. Năm 1905 nước Pháp không có vua nên câu (1) không đúng. Vậy thì câu (2) đúng? Nhưng câu (2) cũng không thể coi là đúng, vì nước Pháp làm gì có ông vua nào vào thời điểm đó mà nói rằng ông ấy *không hói* (*not bald*) hay là *hói*. Nhưng nó cũng không thể coi là sai.

Do đâu có hiện tượng kì cục này? Do quán từ *the*, một quán từ nói rằng danh từ đứng sau nó là hoàn toàn xác định. Vì vậy B. Russell tìm cách gạt sự miêu tả xác định ra khỏi những danh ngữ chứa *the*. Dùng kí hiệu  $Kx$  để trở “*x là ông vua Pháp*” còn  $Bx$  để trở “*x thì hói*” thì *The King of France* - chủ ngữ của hai câu trên - được miêu tả thành hội của hai mệnh đề “có một ông vua Pháp” [ $\exists x Kx$ ] và “bất cứ ai, hễ là vua Pháp sẽ chính là ông vua ấy” [ $\forall y (Ky \Rightarrow y = x)$ ].

*The King of France* =  $\exists x Kx \wedge \forall y (Ky \Rightarrow y = x)$ . Như vậy câu 1 được miêu tả thành (1a), còn câu 2 là mơ hồ, được hiểu theo hai cách: (2a) có xác định một ông vua Pháp và ông ấy không hói; (2b) không có chuyện có ông vua Pháp và ông ấy hói.

(1a) =  $\exists x (Kx \wedge \forall y (Ky \Rightarrow y = x) \wedge Bx)$

(2a) =  $\exists x (Kx \wedge \forall y (Ky \Rightarrow y = x) \wedge \sim Bx)$

(2b) =  $\sim \exists x (Kx \wedge \forall y (Ky \Rightarrow y = x) \wedge Bx)$

Từ đây dẫn tới hai khái niệm phủ định:

Miêu tả (2a) là phủ định nội tại (internal negation), tác tử phủ định chỉ phủ định  $Bx$  nên nó tác động trong phạm vi hẹp (narrow-scope).

Miêu tả (2b) là phủ định ngoại tại (external negation), tác tử phủ định tác động lên cả cụm *The King of France*. Nó không cho rằng có một vị vua của nước Pháp. Sự không tồn tại của một vị vua nước

<sup>1</sup> Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>2</sup> Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Pháp đảm bảo tính chân lí của (2b). Cách phủ định này được gọi là phủ định siêu ngôn ngữ (metalinguistic negation). Quan niệm này gây ra những tranh cãi, nhưng chúng ta không bàn điều này ở đây.

### 1.2. Câu phủ định miêu tả

Phán đoán là hình thức cơ bản của tư duy dưới dạng khẳng định hoặc phủ định, thể hiện nhận thức con người về những đối tượng trong thế giới khách quan.

Phán đoán phủ định cũng được dùng để miêu tả một hiện thực của thế giới khách quan, để miêu tả những thuộc tính âm của sự vật. Chúng ta miêu tả ‘Vật A có màu đỏ còn vật B có màu không đỏ’. Chúng ta miêu tả chứ không tạo ra phán đoán phủ định thuộc tính ‘có màu đỏ’ ở vật B. Cùng một hiện thực khách quan có thể dùng những dạng thức ngôn ngữ khác nhau để biểu hiện. Có những câu phủ định và khẳng định đồng nghĩa. Câu *tôi ở lại* có thể dùng để khẳng định một ý kiến nhưng cũng có thể truyền đi nội dung của phán đoán ‘tôi không đi’ trong logic. Thế nghĩa là có những từ vị, như *ở lại*, dùng trong hình thức một câu khẳng định vẫn tồn tại trong nó tiềm năng ngữ nghĩa của sự phủ định. Những câu phủ định loại này được gọi là phủ định miêu tả (descriptive negation). *Phủ định miêu tả* là sự khẳng định một nội dung phủ định mà không cần biết tới khẳng định đối lập. Sự phủ định miêu tả có thể xuất hiện ở bất kì thời điểm nào trong quá trình tư duy về sự vật. Khi miêu tả căn phòng của mình, tôi có thể viết *căn phòng của tôi không rộng* nhưng tôi không thể bắt đầu bằng câu *\*Không phải căn phòng của tôi rộng*. Thế là bác bỏ. Nào ai bảo căn phòng của tôi rộng mà tôi phải bác bỏ?

*Không phải căn phòng của tôi rộng* là câu bác bỏ. Nó chỉ xảy ra trong cuộc thoại. Người ta bác bỏ điều A khi trước đó đã có sự khẳng định rằng A. Câu bác bỏ là loại phủ định siêu ngôn ngữ.

Horn (1985), một chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực này, phát biểu: Phủ định siêu ngôn ngữ chuẩn đề cập đến “một cách nói phủ định chính thức dùng để bác bỏ lời nói trước đó theo bất kì lí do gì, kể cả cách phát âm” (“a formally negative utterance which is used to object to a previous utterance on any grounds whatever, including the way it was pronounced”) [14].

## 2. Phủ định logic và phủ định ngôn ngữ

### 2.1. Phủ định ngôn ngữ

Theo quan niệm truyền thống của giới Việt ngữ học, trong tiếng Việt căn cứ vào vị trí của từ phủ định mà người ta gọi là phủ định toàn bộ hay phủ định bộ phận. Nếu từ phủ định đặt trước vị ngữ, tức là đặt trước thành phần chính của câu, thì sẽ có câu phủ định toàn bộ. Nếu từ phủ định đặt trước thành phần thứ yếu của câu, thì câu sẽ được gọi là phủ định bộ phận [5, tr. 241]. Ví dụ, xét câu khẳng định 3, 4 và những câu liên quan:

(3) *Nhiều người biết rõ việc đó.*

(4) *Mọi người biết rõ việc đó.*

(3a) *Nhiều người không biết rõ việc đó.*

(4a) *Mọi người không biết rõ việc đó.*

(3b) *Nhiều người biết không rõ việc đó.*

(4b) *Mọi người biết không rõ việc đó.*

Câu (3a) là câu phủ định toàn bộ của câu (3), nhưng về phương diện logic hai câu này không phủ định nhau. Câu (3b) vẫn là câu khẳng định, chỉ một phần vị ngữ của (3) bị phủ định (*biết không rõ*), nên (3b) được gọi là câu phủ định bộ phận. Tương tự, câu (4a) là câu phủ định toàn bộ của câu (4), nhưng về phương diện logic hai câu này không phủ định nhau, còn câu (4b) là câu phủ định bộ phận mặc dù nó vẫn là câu khẳng định. Trong tiếng Việt có tác từ ‘*không phải*’ để phủ định - bác bỏ đối tượng đi kèm ngay sau nó.

(5) Không phải nhiều người biết rõ việc đó.

Câu (3a) phủ định câu (3). Câu (5) cũng phủ định câu (3) nhưng khác (3a) ở điểm tác tử phủ định “không phải” có thể dễ dàng nhấn mạnh sự phủ định vào những yếu tố khác nhau trong câu (3), còn từ kèm phủ định “không” trong câu (3a) thì khác. Trong tiếng Việt, kết cấu “không phải ... mà là...” giải thích được tác tử “không phải” nhấn mạnh vào từ nào, trong câu phủ định. Ví dụ:

(6) Không phải nhiều người biết rõ việc đó, mà là mọi [rất ít] người biết rõ điều đó.

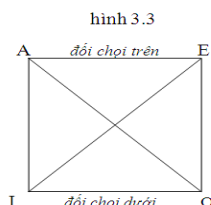
(7) Không phải nhiều người biết rõ việc đó, mà là nhiều người còn mơ hồ về [biết lơ mơ về/ chẳng quan tâm tới] việc đó.

Câu (6) bác bỏ cụm từ *nhiều người* trong câu (5) còn câu (7) lại bác bỏ cụm từ *biết rõ* trong câu (5).

## 2.2. Phủ định logic

2.2.1. Không ít người thường lầm lẫn giữa hình thức phủ định của một câu với sự phủ định nội dung logic của câu đó. Sự lầm lẫn này đặc biệt hay xảy ra với những câu chủ ngữ có yếu tố được lượng hóa. Đó là những câu liên quan tới phán đoán khẳng định chung và riêng, phủ định chung và riêng. Trong logic cổ điển có 4 loại phán đoán A, I, E, O tạo thành một hình vuông logic AEIO. (Hình 3.3) [6, tr. 77].

Giữa chúng có những quan hệ sau:



(8) A [khẳng định chung] = Mọi thứ đều còn.

(9) I [khẳng định riêng] = Một số thứ còn.

(10) E [phủ định chung] = Mọi thứ đều không còn.  
(≈ Không thứ gì còn.)

(11) O [phủ định riêng] = Một số thứ không còn.

Hình vuông này chỉ ra một số phép suy luận logic. Trong đó có “những câu ở hai đầu mỗi đường chéo có quan hệ phủ định lẫn nhau”. Nghĩa là  $\sim A = O$ ,  $\sim O = A$ ,  $\sim E = I$  và  $\sim I = E$ .

Trong tiếng Việt, chúng ta nói dạng thức phủ định của câu *Mọi thứ đều còn* (câu loại A) là câu phủ định vị ngữ, *Mọi thứ đều không còn*, tức là câu loại E. Về logic, điều này không đúng. Quan hệ AE chỉ là quan hệ đối chọi trên: Hai câu A, E không thể cùng đúng nhưng có thể cùng sai. Vì thế không thể coi E là câu phủ định của A và ngược lại. Để phủ định A, chỉ cần đưa ra một trường hợp A không đúng là đủ. ( $\sim A = O$ ).

Chúng ta cũng thường nói phủ định của câu loại I (= *Một số thứ vẫn còn*) là câu *Một số thứ không còn*, tức là câu O. Về logic điều này cũng không đúng vì quan hệ IO chỉ là quan hệ đối chọi dưới: Hai câu I, O không thể cùng sai nhưng có thể cùng đúng<sup>3</sup>. Giai thoại về chuyện ‘cải chính’ sau đây minh họa điều trên. Có một nghị sĩ phát biểu trên một tờ báo:

(12) Trong nghị viện này, nhiều nghị sĩ là những tên tham nhũng.

Ông chủ tịch nghị viện giận quá, đòi nghị sĩ nọ phải cải chính ngay trên báo, nếu không sẽ bị buộc tội phỉ báng đồng nghiệp. Ngay hôm sau, trên tờ báo ấy đã đăng lời ‘cải chính’:

Hôm trước tôi có nói rằng: ‘Trong nghị viện này, nhiều nghị sĩ là những tên tham nhũng’, nay xin được cải chính như sau:

(13) Trong nghị viện này, nhiều nghị sĩ không phải là những tên tham nhũng.

<sup>3</sup> Dùng logic vị từ, những điều vừa trình bày chính là quy tắc phủ định *de Morgan* [6, tr.76]:

a)  $\sim \forall x p(x) = \exists x \sim p(x)$

b)  $\sim \exists x p(x) = \forall x \sim p(x)$

Nghị sĩ nọ không hề cải chính. Thật vậy, nghị viện chia hai nửa. Một tham những, một không tham những. Câu (12) nói về nửa đầu, câu (13) nói về nửa sau. Thế là hai câu trên không hề phủ định lẫn nhau. Để phủ định câu khẳng định riêng (12) cần dùng một câu phủ định chung E (*mọi nghị sĩ đều không tham những*).

Thế là dạng thức phủ định ngôn ngữ không phải luôn luôn đồng nhất với phủ định logic. Có điều cần xác định cho đúng là câu khẳng định chung. Ví dụ:

(14) *Cả hai đều đã đến đấy.* (15) *Học sinh lớp này rất giỏi.*

Lượng từ *cả* khiến (14) là một khẳng định chung (*tất cả đều đã đến đấy*) trong khi đó (15) có thể được hiểu là một khẳng định riêng (15a) *Phần lớn học sinh lớp này rất giỏi* mà cũng có thể được hiểu là một khẳng định chung (15b) *Tất cả học sinh lớp này rất giỏi*.

Lưu ý: Có thể dùng tác từ *không phải* để phủ định - bác bỏ. Các câu 8, 9 được phủ định theo cách sau:

(8b) *Không phải mọi thứ đều còn.*

(9b) *Không phải một số thứ còn.*

### 2.2.2. Sự phủ định những câu chứa hai lượng từ

Những điều trình bày trên đây cũng đúng cho những câu chứa nhiều lượng từ. Quan trọng nhất vẫn là xác định đúng dạng thức logic của câu (là phán đoán khẳng định hay là phủ định, chung hay riêng). Sau đó dùng quy tắc de Morgan đối với mệnh đề được lượng hóa để xác định đúng dạng thức logic của sự phủ định câu đó. Nhờ vậy biết được dạng thức ngôn ngữ phủ định đúng đắn của nó. Ví dụ:

(16) *Sinh viên nào cũng yêu thích một số tác phẩm (văn học).*

(17) *Có tác phẩm (văn học) được mọi sinh viên yêu thích.*

(18) *Tác phẩm (văn học) nào cũng được một số sinh viên yêu thích.*

Gọi x là *sinh viên* còn y là *tác phẩm (văn học)* thì dạng thức logic của các câu trên lần lượt là:

(16b)  $\forall x \exists y T(x, y)$ , ở đó  $T(x, y) = x$  yêu thích  $y$

(17b)  $\exists y \forall x T(x, y)$

(18b)  $\forall y \exists x T(x, y)$

Dùng quy tắc de Morgan để phủ định 16b:

$$\begin{aligned} \sim \forall x \exists y T(x, y) &= \exists x \sim \exists y T(x, y) \\ &= \exists x \forall y \sim T(x, y) \end{aligned}$$

Dòng cuối này là dạng thức logic của 16c:

(16c) *Có sinh viên mà mọi tác phẩm (văn học) đều không thích.*

$\approx$  *Có sinh viên không thích một tác phẩm (văn học) nào cả.*

Điều trên đây cho thấy sẽ là sai lầm nếu vội vàng tưởng rằng phủ định (16) sẽ được (16d):

(16d) *Sinh viên nào cũng không thích một số tác phẩm (văn học).*

Tương tự, phủ định (17b) sẽ được  $\forall y \exists x \sim T(x, y)$ .

Như vậy (17c) mới là câu phủ định logic của (17) chứ không phải là (17d).

(17c) *Tác phẩm nào cũng có những sinh viên không thích.*

(17d) *Có tác phẩm mà mọi sinh viên đều không thích.*

### 3. Câu bác bỏ

#### 3.1. Vì sao một câu bị bác bỏ?

Trong truyền thống Việt ngữ học, chỉ có khái niệm “câu phủ định”. Còn những câu kiểu như *Tôi có nói thế bao giờ; Nào ai xui nó làm thế;...* được gọi là “những câu theo hình thức nghi vấn mà chính là những câu phủ định rất mạnh [...]”. Tiếng *nào* dùng một mình cũng có thể biểu diễn cái ý phủ định rất mạnh” [8]. Khái niệm “câu bác bỏ” xuất hiện trên tạp chí *Ngôn ngữ ở Việt Nam* vào năm 1983 [2].

Xét đoạn thoại:

(19) A: *Đêm qua đội Việt Nam thua UAE mất rồi!*

B: *Thế là được rồi, chứ còn đòi hỏi gì hơn nữa.*

Trong đoạn thoại trên vào sáng 16.6.2021, B đã bác bỏ lời của A mà không dùng câu phủ định. Bác bỏ không phải vì A nói sai mà vì không đồng ý với hàm ý ‘đội Việt Nam không xuất sắc’ trong lời của A. *Thế là được rồi* nghĩa là thua nhưng vẫn cực kì xuất sắc, lần đầu tiên trong lịch sử bóng đá Việt Nam giành vé vào vòng loại cuối cùng của World Cup 2022.

Người ta bác bỏ tất cả những gì mình thấy sai, từ hiển ngôn tới hàm ngôn, từ toàn cục tới từng chi tiết. Người ta bác bỏ vì thấy một câu không đúng hoặc không đáp ứng những điều kiện cần dùng chuẩn cho câu đó. Một câu có TGD sai sẽ trở thành vô lí, vô nghĩa. TGD đó liền bị bác bỏ. Rồi người ta bác bỏ những khẳng định trực tiếp, gián tiếp hay những thái độ, hành động hay cử chỉ nào đó kể cả cách nói năng:

Một người nói *Ông Ba là thạc sĩ*, người kia bác bỏ *Ông ấy không phải thạc sĩ mà là tiến sĩ*.

Nghe hỏi *Nó hài lòng khi được 9,5 tin học phải không?* người ta đáp:

(20) *Không phải hài lòng mà là rất hài lòng.*

Đáp vậy vì biết rằng kiểu hỏi “*P phải không?*” đã định hướng khẳng định P, người ta hỏi vậy chỉ cốt cho rõ thôi. Câu 20 đã bác bỏ định hướng khẳng định “*nó hài lòng khi được 9,5 tin học*” của người hỏi. Vậy câu hỏi không sai mà là đã định hướng khẳng định ở mức thấp hơn hiện thực.

Khi một thanh niên hét lên:

(21) *Tôi là con bà ta nhưng bà ta không phải là mẹ tôi* thì anh ta không phủ định mình là con người phụ nữ nọ, anh ta chỉ bác bỏ tư cách làm mẹ anh ta của người đàn bà đó thôi.

Nghe câu hỏi đầy ngụ ý *Cô gái đi nhà hàng tối qua với anh là ai vậy?* người đáp bức tức:

(22) *Đấy không phải là cô gái mà đấy là vợ tôi.*

Người đáp không hề có ý nói ‘vợ tôi không phải là một cô gái’, anh ta chỉ nhấn mạnh khẳng định ‘đó là vợ tôi’ để bác bỏ hàm ý của câu hỏi.

(23) *Tôi không phải là một người đàn ông* - ông vặn lại - *Tôi là linh mục.* (NCCh, t.91)

Ở câu 23, khi nói *Tôi không phải là một người đàn ông* thì linh mục không phủ định mình là *đàn ông* mà nhấn mạnh mình là *linh mục* để bác bỏ hàm ý liên quan đến từ *đàn ông* trong lời người kia.

(24) [Aléxây quyết định tới gặp tiểu thư Lida, người mà anh không biết chính là Aculina] *Chàng bước vào... và đứng ngây người ra! Lida... không phải, Aculina, chính Aculina xinh đẹp.* (TNP, t.92)

Anh chàng Aléxây không phủ định người con gái ngồi đó là tiểu thư Lida mà khẳng định đó chính là Aculina. Lida và Aculina đồng quy chiếu.

(25) (Lê Thành:) *Tôi sẽ làm việc này.*/(Phan Quân:) *Không có thời gian đâu.* (Người phán xử, T.13, p. VTV3)

Ông trùm Phan Quân đã bác bỏ lời trợ thủ Lê Thành qua khẳng định không có thời gian cho hành động, tức là bác bỏ về khả năng hành động ‘làm việc này’ của Lê Thành.

(26) *Con anh Ba đã vào đại học.*

Nghe vậy, người ta có thể bác bỏ một trong hai TGD của nó: ‘Anh Ba nào đã có con’ hoặc “Con anh ấy còn đang học cấp II mà!”

(27) *Hôm qua nó đã đi những đâu?*

Câu trên có 3 TGD. Để bác bỏ, người ta có thể bác bỏ một trong những TGD của nó.

(28a) *Hôm qua **nào** nó **có** đi đâu.* [bác bỏ TGD “Hôm qua nó đã đi đâu đó”]

(28b) *Hôm qua nó chỉ đến nhà cô Ba thôi, có đâu mà “những”.* [bác bỏ TGD “Hôm qua nó đã đi nhiều nơi”]

(28c) - *Nào tôi có biết mà hỏi.* [bác bỏ TGD “Ông/bà là người biết nó đã đi đâu.”]

### 3.2. Đặc điểm của câu bác bỏ

1) Sự bác bỏ không tuân theo các quy luật suy diễn logic như quy tắc phủ định kép hay quy tắc modus ponens, quy tắc thang độ... Bác bỏ là sự phủ định siêu ngôn ngữ.

- Ví dụ của Horn [3]:

(29) *The Next Prime Minister won't be Heath: It will be Heath or Wilson.* (Không phải thủ tướng tiếp theo sẽ là Heath mà sẽ là Heath hoặc Wilson)

Câu 29 bác bỏ điều khẳng định thủ tướng tiếp theo sẽ là (a) Heath, rồi điều chỉnh lại: có hai khả năng (a) Heath hoặc (b) Wilson, nên câu này là hội của hai mệnh đề  $(\sim a)$  và  $(a \vee b)$ . Mà  $(a \vee b) = (\sim a \Rightarrow b)^4$ . Do vậy, theo tam đoạn luận MP<sup>5</sup> chúng ta sẽ suy ra b: ‘thủ tướng mới sẽ là Wilson’. Nhưng rõ ràng câu (29) không hề có hàm ý đó.

Theo phương châm “lượng” trong nguyên lí hội thoại của Grice [13], người nói cung cấp thông tin tới mức tối đa. Do vậy, tạo thành những thang độ số lượng trong tâm trí. Trong phủ định miêu tả, chỉ có thể nói *Bà ấy không có 4 con nhưng có 3 con* chứ không thể nói ngược *\*Bà ấy không có 3 con nhưng có 4 con*. Trong khi đó câu bác bỏ không tuân theo luật về thang độ số lượng nên vừa có thể nói *Không phải bà ấy có 4 con mà là có 3 con* vừa có thể nói *Không phải bà ấy có 3 con mà là có 4 con*.

Trong phủ định miêu tả có sự bất đối xứng giữa các tính từ đối lập: *tốt* đối lập với *xấu*. Cặp (*tốt*, *xấu*) tạo ra một thang độ mà sự phủ định vùng dương *Ba không tốt* tạo ra nghĩa nằm ở vùng âm, rất gần nghĩa với *Ba xấu*, [*Ba không tốt*  $\approx$  *Ba xấu*], còn sự phủ định vùng âm *Ba không xấu* lại tạo ra nghĩa nằm ở điểm rất thấp trên vùng dương... Điều này biến mất trong ngữ cảnh bác bỏ:

- *Ba tốt đấy.* / - *Đâu có, Ba không tốt nhưng anh ta cũng không xấu.*

Trong đoạn thoại trên, sau khi bác bỏ *Ba không tốt* người đáp e người nghe hiểu lầm là *Ba xấu* nên điều chỉnh lại bằng cách nhấn mạnh *Ba cũng không xấu*. Nghĩa là *Ba không xấu*  $\neq$  *Ba tốt*.

2) Bác bỏ có thể không làm mất giá trị chân lí của câu bị bác bỏ.

(30) *Anh Ba hoặc anh Năm sẽ làm bí thư kì này.*

(31) *Anh Ba, anh Năm hoặc chú Sáu (sẽ làm bí thư kì này) chứ.*

Câu 31 bác bỏ 30 nhưng không làm mất giá trị chân lí của nó. Bác bỏ rồi điều chỉnh lại. Tương tự, nghe câu 32, người ta có thể dùng câu 33 hoặc 34 để bác bỏ nhưng không làm mất giá trị chân lí của (32):

<sup>4</sup> Theo tính chất  $a \Rightarrow b = (\sim a) \vee b$

<sup>5</sup> Tam đoạn luận MP (modus ponens) là suy luận theo điều kiện đủ. Đó là  $((a \Rightarrow b) \wedge a) \Rightarrow b$

(32) Ông Ba có hai căn nhà ở Vũng Tàu. (33) Không phải hai căn mà là 3 căn.

(34) Không phải căn nhà mà là biệt thự.

### 3.3. Hình thức của câu bác bỏ

3.3.1. Có nhiều cách bác bỏ một câu. Có người nói:

(35a) Anh Ba cao.

(35b) Cô Ba tốt hơn cô Năm.

Để bác bỏ (35a) chúng ta có thể dùng những câu sau:

(36a) Anh Ba không cao.

(36c) Anh Ba mà cao.

(36b) Anh Ba đâu có cao.

(36d) Mắt mày thế nào mà bảo anh Ba cao?...

Tương tự, chúng ta cũng có thể bác bỏ (35b) bằng nhiều cách khác nhau:

(37a) Cô Ba không tốt hơn cô Năm. (37d) Cô Ba tốt hơn cô Năm thế nào được!

(37b) Cô Ba đâu có tốt hơn cô Năm. (37e) Mày quan hệ với cô Ba thế nào mà nói cô ấy tốt hơn cô Năm?

(37c) Cô Ba mà tốt hơn cô Năm (!). (37g) Làm gì có chuyện cô Ba tốt hơn cô Năm được!...

Sự phủ định - bác bỏ cũng có thể tồn tại dưới hình thức hỏi, như *Lẽ nào anh ấy lại biết chuyện này?*. Các câu (36b - 36d, 37b - 37g) là những câu **hỏi - chất vấn** để gián tiếp bác bỏ. Chẳng hạn có thể hiểu câu (36c) *Anh Ba mà cao* là được rút gọn từ câu hỏi *Anh Ba mà mày bảo cao?*. Ngoài hai câu 36a và 37a có hình thức phủ định toàn bộ trùng với câu phủ định miêu tả để bác bỏ trực tiếp, còn lại là những câu thể hiện hành vi bác bỏ gián tiếp.

#### 3.3.2. Hai hình thức câu bác bỏ

Quan sát:

(38) Không có chuyện gì đâu (LL, 188)

(38a) Có chuyện gì đâu.

(39) Ở đây không có Huy nào đâu.

(39a) Ở đây có Huy nào đâu.

Ở hai câu trên, bỏ đi từ *không*, phần còn lại vẫn là câu có nội dung phủ định, đồng nghĩa với câu 38, 39:

Có thể đặt dấu chấm hỏi vào cuối câu 38a, 39a (*Có chuyện gì đâu? Ở đây có Huy nào đâu?*).

Đây là hình thức hỏi chứa các từ phiếm định *ai, nào, sao, gì, đâu*, những câu hỏi - chất vấn chứa các yếu tố phiếm định dùng để tạo ra một phán đoán bác bỏ. Đó là câu chất vấn - bác bỏ. (Xem 3.4.)

Để bác bỏ, không nhất thiết dùng câu phủ định. Có thể khẳng định để bác bỏ phán đoán đối lập. Nghe một người nói: *Ông ấy mới 65 tuổi*. Có người cãi: *Cụ ấy đã 75 tuổi rồi*. Cô giáo nói *Các bạn tính sai cả rồi*, một học sinh đứng lên thanh minh: *Thưa cô, em tính đúng đấy chứ*. Thế là hai câu vừa nói bị bác bỏ.

3.3.3. Có những khuôn ngôn ngữ thể hiện hành vi bác bỏ trực tiếp (Xem [8]). Để bác bỏ A có những khuôn như: “*B thì có*”; “*B chứ*”; “*B chứ bộ*”; “*A gì mà A*” và những câu có từ *chứ*, mà đặt trong những tình huống thích hợp. Dùng từ *thì* để nói đây: [*chuột chù chê khi rằng hôi/Khi mới trả lời/ cả họ mày (thì) thơm*]. Như vậy *Còn các bà thì đẹp* có thể là lời nói đây nhưng *Còn cô Ba thì lại đẹp* lại là lời khẳng định.

Khi con gái nói - *Mẹ để con suy nghĩ*, người mẹ liền bác bỏ bằng câu chất vấn: - *Nghĩ gì mà nghĩ. (Hãy nói lời yêu, T.9, p.VTV3)*. Để bác bỏ lời khuyên nên làm tiến sĩ, anh nhân viên - thạc sĩ: *Cục trưởng, cục phó có tốt nghiệp đại học đâu mà tao làm tiến sĩ? Hơn nữa làm tiến sĩ có thể bị ‘đi’ đấy. Tôi đây...! Phải ai đâu mà lay với lục ...?* (Vũ Trọng Phụng, *Bà lão lòa*); *Khốn nạn, chè đâu mà ăn, cơm còn không có nữa mà chè!* *Rõ mày thì khổ từ trong bụng mẹ.* (Nam Cao, TP I);

(40) [- Anh cho tôi đi nhờ xe nhé?] /- Chỉ lát nữa còn có nhiều xe về chỗ chúng tôi lắm; ngại<sup>6</sup> muốn lên xe nào thì lên, chứ tôi thì tôi xin chịu... (Giamilia, 66)

Anh lái xe đã từ chối trực tiếp, dẫn tới bác bỏ.

Những khuôn bác bỏ siêu ngôn ngữ mang tính quán ngữ như “A cái con khi”, “A cái đầu mày”, “A cái móc xì”,... Các cụm từ *cái con khi*, *cái đầu mày*, *cái móc xì*... đặt ngay sau cụm từ A nó cần bác bỏ.

(41) [- Lấy nhau rồi sao nữa?/- Rồi có em bé./] - Em bé cái đầu mày! (p.VTV, Giao mùa, T.41)

(42) [- Chú thấy tôi nói có đúng không?/Đúng! Lẽm gặt đầu và không quên rút thêm điếu thuốc nữa, mỗi lứa, quăng về sau cho cô vợ đang cười mỉm lắng nghe câu chuyện của hai người.]/- Đúng cái móc xì! Đúng thế mới khôn nạn. (Chu Lai, *Phố*, 109)

Khi bác bỏ A người ta khẳng định B thay cho A. Nghĩa là bác bỏ A được xảy ra trong chu cảnh đối chiếu với B. Khuôn chung là “*không phải A mà là B*”. McCawley (1991) gọi “*not X but Y*” là phủ định đối chiếu (contrastive negation) [1]. Kiểu phủ định này tiếng Pháp còn gọi là phủ định tranh biện (négation polémique). Đây là lược đồ bác bỏ so sánh đối lập “*Không phải ... mà là...*”. Nó cho phép dễ dàng bác bỏ một bộ phận của câu.

(43) *Ba bệnh nặng.*

Để bác bỏ (43), người ta có thể bác bỏ các từ *Ba, bệnh, nặng* trong câu đó:

(44a) *Không phải Ba bệnh nặng mà là Bốn bệnh nặng.*

(44b) *Không phải Ba bệnh nặng mà là Ba bệnh nhẹ thôi.*

(44c) *Không phải Ba bệnh nặng mà là Ba đau mắt.*

(44d) *Không phải Ba bệnh nặng mà là Ba nhức đầu sơ sơ.*

(44e) *Không phải Ba bệnh nặng mà là Ba bị tai nạn giao thông nặng.*

(44g) *Ba có ốm đau, bệnh tật gì đâu?* [Đây là kiểu chất vấn - bác bỏ trực tiếp]

*Lưu ý:* Không thể bác bỏ hành vi phát hiện chứa từ *ra* như trong những quán ngữ *Hóa ra, Thế ra, Thì ra...*

(45) *Hóa ra nó đại.*

Trong (45) cụm từ *hóa ra* bộc lộ hành vi phát hiện của người nói. Không thể bác bỏ hành vi phát hiện của người khác nên không thể đặt *không phải* vào đầu câu 45 để phủ định hay bác bỏ nó:

(46) \**Không phải hóa ra nó đại.*

Để phủ định (45) chỉ có thể bình luận ‘sự phát hiện’ này rất tầm thường, ai cũng biết rồi: *Xưa nay có ai cho là nó đại đâu* hoặc phủ định nội dung câu đó:

(47) *Hóa ra nó không đại.*

### 3.4. Bác bỏ theo phương thức chất vấn

Ngoài cách phủ định trực tiếp, “Bác bỏ là một hành vi phái sinh của một hành vi khác. Đó là một hành vi ngôn ngữ gián tiếp, được tạo thành từ các hành vi tại lời chất vấn, từ chối, thanh minh...” [5, tr.291]. Phổ biến nhất từ hành vi chất vấn. Từ chối không đồng nhất với bác bỏ: Bác bỏ theo phương thức chất vấn là một lối nói mềm mỏng, nhẹ nhàng hơn lối phủ định trực tiếp. Nghe lời từ chối gián tiếp *Tôi nói sao được?* không bị sốc bằng lời từ chối trực tiếp *Tôi không nói đâu*. Có những

<sup>6</sup> ≈ “ông anh” (NĐĐ)

khuôn chất vấn - bác bỏ. Người Việt rất hay dùng cách chất vấn để bác bỏ gián tiếp, tạo ra những câu phủ định siêu ngôn ngữ.

(48) *Với sự trưởng thành về chính trị và sự quan tâm về việc nước ấy, ai dám bảo dân ta không có tư cách độc lập?* (Lời Hồ chủ tịch trong kì họp Quốc hội ngày 28.10.1946)

Nghĩa câu 48 rõ ràng là ‘không ai dám bảo dân ta không có tư cách độc lập’. Vậy thì dân ta có tư cách độc lập.

Chất vấn là “hỏi và yêu cầu phải giải thích rõ ràng” [9]. Chất vấn có thể tạo ra hàm ý phê phán, còn hỏi thì không.

(49) [Bà Cúc: - *Con đang chất vấn mẹ đấy à?*] / Châu: - *Con chỉ hỏi thôi mà. (Hương dương ngược nắng, P1, T.26, p. VTV3)*

Câu ‘P mà’ là hành vi giải thích, một điều kiện cần của hành vi thanh minh, do đó lời của Châu dẫn tới hành vi bác bỏ câu hỏi có hàm ý phê phán của mẹ là bà Cúc.

Trong [4] đã lưu ý rằng hai quy luật đối chiếu với một yếu tố phiếm định và phủ định một yếu tố phiếm định được khái quát thành: “Một cách khái quát, *tác động tới cái phiếm định là tác động tới tất cả*” (tr.5). Từ đây kiểu câu “A nào [là A] chẳng B?” (*Ốt nào là ót chẳng cay?*) thành cấu trúc “*chất vấn về sự tồn tại của một loại đối tượng A có thuộc tính không B. Và người nói tin rằng không bao giờ người nghe có thể chỉ ra được một loại A mà có một phần tử của nó có thuộc tính như vậy*” [4, tr.6]. Vậy thì, người ta đã bác bỏ khả năng A có thuộc tính B.

Có nhiều khuôn chất vấn về sự tồn tại của A: “*Làm gì có A*”, “*Chẳng A là gì?*”, “*Chẳng A đó sao?*”

(50) *Có bao giờ nó giúp tôi đâu.*

(51) *Họ làm gì có phóng viên ở Lào Cai.* (NCH)

Vị từ có chỉ sự tồn tại của đối tượng, nên trong câu trên “*có bao giờ ... đâu*” là khuôn chất vấn sự tồn tại của yếu tố thời gian phiếm định “bao giờ” dẫn tới bác bỏ về thời gian; từ đây bác bỏ tuyệt đối về sự tồn tại của hành động *giúp*. Còn “*làm gì có*” là khuôn chất vấn sự tồn tại của sự kiện từ đây bác bỏ tuyệt đối có phóng viên ở Lào Cai.

Ở [7] đã bàn tới những câu chất vấn bộ phận tiền đề hay kết đề chứa từ phiếm định liên quan tới từ mà trò quan hệ nhân quả “A thì B”. Chất vấn bộ phận nào thì bộ phận đó bị phủ định. Ví dụ:

(52a) *Ai mà tin được cái con rồ này* (NK, *Cách mạng*) (→ không ai tin được...)

(52b) *Quan đếm đủ đầu người là xong chứ ai xem thể mà ông sợ.* (NCH, *Tinh thần thể dục*) (→ ông không phải sợ...)

(53) *[Em cũng hay nghĩ thật] / Có gì mà phải nghĩ nào?* (NMC) (→ không có gì phải nghĩ)

(54) *[Nó thấy rằng trước nó hèn nhất vô cùng.] Làm gì mà phải sợ ai?* (NC) (→ không làm gì thì không phải sợ ai)

(55) *[Thế mà anh chưa biết tên em.] / Biết mà làm gì?* (p. VTV, *Đêm miền yên tĩnh*) (→ biết không để làm gì)

(56) *[Anh chiều nó quá thì có.] / Tôi mà chiều?* (Lý Biên Cương) (→ tôi không chiều)

Để gián tiếp bác bỏ A, có thể chất vấn điều kiện cần của A “*Không B sao lại A?*”:

(57) *Không có tiếng máy bay sao lại có pháo sáng.* (NMC, *Mảnh trăng cuối rừng*)

(58a) *Ba chưa đến sao xe anh ấy lại ‘đến’ rồi?* (58b) *Ba không đến thế chiếc mũ kia của ai?*

Nếu cho rằng B là điều kiện đủ duy nhất của A thì lại chất vấn “*A mà [sao] lại không B?*”:

(59) *Ồ, thưa cậu thế chẳng nhờ làm cái thằng con giai mà lại không có vợ?* (NC, *Sống mòn*)

Lẽ thường, nếu có thì giờ, có xe, có tiền, có quyền... thì có thể thực hiện trôi chảy công việc, nên câu chất vấn *Tôi làm gì có thì giờ?* [*có xe?*/ *có tiền?*/ *có quyền?*]... là những câu bác bỏ khả năng thực hiện công việc.

(60) [*Anh làm nó bị thương rồi.*] / *Nào tôi có chủ tâm* (thanh minh → tôi không cố ý...)

Để bác bỏ, có thể chất vấn về mục đích, lí do, nguyên nhân, khả năng, điều kiện, nơi chốn, thời gian, sự tồn tại của sự vật,... hoặc chất vấn trực tiếp một nhận định.

Chất vấn về mục đích sẽ bác bỏ mục đích, do vậy bác bỏ sự kiện:

(61a) *Tôi nói điều đó để làm gì kia chứ?*; (61b) *Tôi đi làm gì cho mang tiếng?!*

Chất vấn một phát ngôn để bác bỏ phát ngôn đó.

(62) [*- Đây là cây sống đời.*] / *- Đây mà là cây sống đời?*

(63) [(vợ): *- Thực ra thằng Tùng cũng được chứ không đến nỗi nào đâu... Ông Hàm nghiêm ngay mặt...*] / *- Được là được thế nào?* (MĐLNNM, 77)]

Ông chồng chất vấn vào từ *được* trong lời vợ để bác bỏ lời đánh giá *Thằng Tùng cũng được* của vợ.

Chất vấn khả năng thực hiện dẫn tới bác bỏ khả năng thực hiện, và trở thành lời từ chối gián tiếp nếu trước đó là một đề nghị.

(64) [*- Bà nói giúp con với!*] / *- Tôi nói thế nào được?*

Khuôn “*có thể nào*” tạo những câu chất vấn - bác bỏ khả năng: *Có thể nào yên* [/nguôi/ quên/ tin/bỏ qua,...]

(65) *Ông là người Êđê, có học, lẽ nào ông quên câu nói đó.* (Xuân Du, CBLTB) (→ ông không quên...)

(66) *Thoát khỏi thế nào được!* (→ Không thoát khỏi được.)

(67) *Thử hỏi làm sao người ta gắn bó được với nhà máy bây giờ.* (TX, Giấy trắng, 44) (→ không gắn bó được...)

Chất vấn về thời gian hành động để bác bỏ hành động:

(68) [*- Cô ấy được thủ trưởng chống lưng*] / (cô gái quay lại chất vấn:) - *Giám đốc chống lưng tôi bao giờ?*

(69) *Tôi đã vào đâu?*

Câu trên chất vấn về thời gian “*đã vào*” để bác bỏ kết luận “*đã vào*”, tức là tôi chưa vào.

(70) *Còn chê vào đâu được?*

Lỗi chất vấn “*đâu nào*” đòi hỏi đưa ra bằng chứng về vị trí để chứng minh nên câu 70 là không thể tìm ra chỗ nào (điểm nào) để chê. Vậy thì không thể chê được.

Bác bỏ giá trị riêng biệt của A, một điều kiện đủ  $A \Rightarrow B$ , bằng cách chất vấn “*A nào mà chả B*” để nói rằng đây là điều phổ quát.

Có những tình huống phát ngôn khiến một câu hỏi có thành câu chất vấn - bác bỏ hay không.

(71a) *Sao anh lại không đi?* (71b) *Sao tôi lại không đi.*

Trong khi (71a) là một câu hỏi về lí do không đi thì (71b) là câu bác bỏ. Không ai tự hỏi mình một điều chắc chắn mình biết nên (71b) không phải là câu hỏi chính danh, có chăng chỉ là câu hỏi tu từ. Do vậy (71b) chỉ là câu chất vấn cái nội dung ‘không đi’ để thành câu chất vấn - bác bỏ. Nó trở thành câu khẳng định: *Tôi sẽ đi.*

Tương tự, câu *Sao tôi lại đi?* là câu khẳng định “Tôi không đi là chắc chắn”.

Rõ ràng, phương thức chất vấn là một đặc thù tiếng Việt để tạo câu bác bỏ.

Như vậy, chúng ta thấy rằng phủ định ngôn ngữ và phủ định logic có những điểm khác biệt nhất định. Tùy theo mục đích sử dụng và tình huống giao tiếp mà người ta đã vận dụng các phương thức phủ định khác nhau.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

##### Tiếng Việt

1. Trương Văn Chỉnh, Nguyễn Hiến Lê, *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam*, Nxb Đại học Huế, 1963.
2. Nguyễn Đức Dân, *Phủ định và bác bỏ*, Ngôn ngữ, số 1, 1983.
3. Nguyễn Đức Dân, *Ngữ nghĩa các từ hư: Định hướng nghĩa của từ*, Ngôn ngữ, số 2, 1984.
4. Nguyễn Đức Dân, *Một số phương thức thể hiện ý tuyệt đối*, Ngôn ngữ, số 3, 1985.
5. Nguyễn Đức Dân, *Lô gích, ngữ nghĩa và cú pháp*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1987.
6. Nguyễn Đức Dân, *Lô gích và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 1996.
7. Nguyễn Đức Dân, *Lô gích - ngữ nghĩa của từ MÀ*, Ngôn ngữ, số 5, 2006.
8. Trần Trọng Kim, *Việt Nam văn phạm* (trung học), bản in lần thứ tám, Tân Việt.
9. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Ủy ban Khoa học xã hội, Viện ngôn ngữ học, 1992.
10. Nguyễn Kim Thản, *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt, tập II*, Nxb Khoa học, 1964.
11. Hoàng Tuệ, *Tuyển tập ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

##### Tiếng Anh

12. McCawley, *Contrastive negation & metalinguistic negation*, The proceedings of the 27th Annual Meeting of the Chicago Linguistics Society (CLS 27), 1991.
13. Grice P., *Logic and conversation*, in: *Syntax and semantics*, vol. 3, 1975, Cole P. & Morgan J.L. (Ed.)
14. Horn L.R., *Metalinguistic negation and pragmatic ambiguity*, *Language*, vol 61, 1.1985.
15. Lê Văn Lý, *Le parler vietnamien*, Hương Anh, 1949, Paris.
16. Russell B., *On denoting*, *Mind* NS 14, 1905.

#### DẪN LIỆU NGÔN NGỮ

CBLTB - Xuân Du, *Cây bàng lặng trong bão*; CL - Chu Lai, *Phố*, Nxb QĐND; LL - Lê Lưu, *Ranh giới*, Nxb QĐND, 1978; NC- Nam Cao, *Sống mòn*, Nxb 1956; NCCh - Colleen McCullough, *Những con chim ẩn mình chờ chết* (t. dịch, Nxb Trẻ, 1988); NK: Nguyễn Khải, *kịch Cách mạng*; NKT - Nguyễn Khắc Trường, *MĐLNNM: Mảnh đất lắm người nhiều ma*; NMC: Nguyễn Minh Châu, *Mảnh trăng cuối rừng*; Aitomatốp: *Giamilia*, tđ, Cầu vòng, 1984; NTL: Nguyễn Thành Long, *Lặng lẽ Sapa*; p - phim; td - truyện dịch; TNP - *Truyện ngắn Puskin*, tđ; ĐH&THCN, 1985; TX: Triệu Xuân, *Giấy trắng*.